

Bản án số: **02/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 01-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Phương

Bà Trịnh Thuý Cơ

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện DMC, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Thuý D**, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 01, ấp B1, xã PM, Huyện DMC, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ 01, ấp B1, xã PM, Huyện DMC, tỉnh TN.

- Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2018 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Thuý D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh N tự nguyện quen biết nhau, chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM, Huyện DMC, tỉnh TN số: 80/2015 ngày 11-9-2015. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N cờ bạc, rượu chè không chăm lo cho gia đình, chị về nhà cha mẹ ruột tại ấp 3, xã BC sinh sống và ly thân với anh N, anh N không đến để bàn giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại tình cảm vợ chồng

không còn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 26-6-2012. Nếu Tòa án cho ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh N trình bày: Tại bản tự khai ngày 16-01-2019 và tại biên bản hoà giải ngày 22-01-2019 anh N thừa nhận về mối quan hệ hôn nhân như chị D trình bày. Anh và chị D mâu thuẫn do anh còn ham chơi, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc vợ con nên chị D về nhà mẹ vợ sinh sống, anh có điện thoại khuyên nhủ vợ về tiếp tục sống chung nhưng chị D không đồng ý. Chị D xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ vì còn thương vợ, con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 26-6-2012. Anh N đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Anh N đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu của chị D, giao con tên Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 26-6-2012 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ghi nhận chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N theo quy định tại khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Anh Nguyễn Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng anh vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh N tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM, Huyện DMC, tỉnh TN

nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị D, anh N phát sinh mâu thuẫn do anh chị mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh N có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình nhưng anh không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh chị tan vỡ do không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Minh N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 26-6-2012. Chị D đồng ý giao con cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con và đồng thời chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con thành niên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về việc giao con cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 107 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Thuý D đối với anh Nguyễn Minh N. Chị Ngô Thị Thuý D và anh Nguyễn Minh N không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 26-6-2012. Ghi nhận chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi con thành niên. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án.

Chị Ngô Thị Thuý Dương có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Thuý D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0011281 ngày 04-01-2019

tại Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện DMC, tỉnh TN. Ghi nhận chị Ngô Thị Thuỳ D đã nộp xong.

Chị Ngô Thị Thuỳ D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- UBND xã PM;
- Đường sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (M).

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa